

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2020/TLST - HNGĐ ngày 11/2/2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Đình P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3.2. Ông Đỗ Văn N1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Đình P đăng ký kết hôn ngày 06/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ở chung với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P mãi mê cờ bạc, phá tán tài sản gia đình, có biểu hiện ngoại tình. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào năm 2009, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh P.

Chị và anh P có một con chung là Vũ Thị G, sinh ngày 01/5/ 2006. Hiện nay, cháu G đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Đơn xin xác nhận, anh Vũ Đình P xác nhận: Từ ngày về chung sống, do có nhiều bất đồng lên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Do công việc, anh thường xuyên vắng nhà, đề nghị giải quyết vắng mặt. Vợ chồng có một con chung là Vũ Thị G, sinh ngày 01/5/2006, muốn ở với ai do cháu quyết định. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, ông Đỗ Văn N1 trình bày: Ông là bố đẻ chị N. Anh P, chị N kết hôn năm 2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P mãi chơi không quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 08 năm, không ai quan tâm đến ai. Chị N xin ly hôn anh P, gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng không được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có một con chung là Vũ Thị G. Hiện nay, cháu G đang ở với mẹ. Việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu G. Nếu chị N được nuôi con, ông sẽ hỗ trợ chị N trong việc chăm sóc cháu G. Điều kiện kinh tế và chỗ sinh hoạt của gia đình ông tương đối tốt. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên không có.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, bà Trần Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ anh P. Anh P, chị N kết hôn năm nào, bà không nhớ, chỉ nhớ năm anh P 24 tuổi. Hai anh chị được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng ở chung với bà nhưng ăn riêng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Khi sinh con đầu lòng được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do đâu, bà không

biết. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Trước khi ly hôn, chị N có trao đổi với anh P, anh P đồng ý. Anh P có viết giấy đưa cho chị N để chị N nộp cho Tòa án. Cán bộ Tòa án có gọi điện thoại cho anh P. Anh P thừa nhận chữ ký, chữ viết trong đơn xin xác nhận là của anh P. Anh P, chị N có một con chung là Vũ Thị G. Việc cháu Giang ở với ai là quyền của cháu. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đối với gia đình hai bên.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị N, đề nghị cho chị Đỗ Thị N ly hôn với anh Vũ Đình P; Giao cháu Vũ Thị G, sinh ngày 01/5/2006 cho chị Đỗ Thị N nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều xác nhận quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Chị N xin ly hôn, anh P đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị N ly hôn với anh P là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ con chung:

Chị N đề nghị được nuôi con chung, tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Anh P đồng ý. Bản thân cháu G có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của của con chung được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[4] Về án phí: Chị N phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147; khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N ly hôn anh Vũ Đình P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Vũ Thị G, sinh ngày 01/5/ 2006 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008955 ngày 11 tháng 2 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Chị N, anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phú

